

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST

Ngày: 24/11/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Trúc.

2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST-DS ngày 23/7/2021 về việc việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-DS ngày ngày 19 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê K, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 2, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn H, sinh năm 1994 và chị Đỗ Thị L, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 2, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh H, chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê K trình bày:

Nguyên vợ chồng ông Nguyễn H và bà Đỗ Thị L làm nông nghiệp, không có tiền trồng ớt, khoai lang, biết ông K có tiền ở ngân hàng nên tháng 09 và tháng 12 năm 2018, vợ chồng năn nỉ ông K mượn (vay) số tiền tổng cộng 02 lần là 50.000.000đ, hứa thời hạn 05 tháng trả, đến nay quá hạn, ông K đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh H, chị L không trả. Nay ông K khởi kiện yêu cầu Tòa buộc anh H, chị L trả cho ông K số tiền 50.000.000đ nêu trên. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

Kèm theo đơn khởi kiện ông K cung cấp cho Tòa án 02 chứng từ chứng minh khoản nợ bao gồm: 01 Giấy nợ đề ngày 23/9/2018 với số tiền nợ tổng cộng là 25.000.000đ có chữ ký người nhận tiền Đỗ Thị L và 01 Giấy mượn tiền đề ngày

24/12/2018, với số tiền mượn là 25.000.000đ, thời hạn mượn là 5 tháng, có chữ ký của người viết giấy mượn đề chồng là Nguyễn H, vợ Đỗ Thị L;

Bị đơn anh Nguyễn H và vợ là chị Đỗ Thị L vắng mặt tại phiên tòa, theo nội dung trong bản tự khai đề ngày 30/10/2021 anh H và chị L trình bày:

Ngày 23/9/2018 chị L có vay của chú Lê K số tiền là 20.000.000đ. Chiều cùng ngày chị L có lấy thêm 5.000.000đ. Tờ giấy vay tiền của chú K chỉ có chị L ký, vì lúc đó anh H đi xe chưa về nên khi anh H về thì chú K có gọi cho chị L vào ngày 24/12/2018 bảo chị L và anh H làm lại tờ giấy vay tiền phải có 02 vợ chồng. Mục đích vay tiền để làm nông, hàng tháng chị L có gửi tiền lãi cho Chú là 1.250.000đ/tháng, lãi suất 50%. Từ ngày 23/8/2018 đến ngày 23/8/2020 là tôi đóng lãi đầy đủ 23 tháng. Từ ngày 23/9/2020 đến nay vợ chồng chị L, anh H không có điều kiện để trả lãi nữa. Nay chú K yêu cầu vợ chồng anh H, chị L trả 50.000.000đ chị L mong Tòa xem lại. Vợ chồng anh H, chị L chỉ có vay chú Lê K 25.000.000đ, chú K có đưa lên Tòa 02 giấy nợ nhưng hai giấy đó là một, anh H và chị L chỉ có nợ 25.000.000đ, vì chị L có cầm sổ đỏ của mẹ là bà Nguyễn Thị T chỉ có một cuốn sổ đỏ chứ không có cuốn thứ hai, nên chị L mong Tòa xem xét lại 02 giấy nợ đó, hai giấy nợ đó đều có ghi là cầm sổ đỏ của bà Nguyễn Thị T. Những lần trả lãi vợ chồng anh H, chị L đưa tiền mặt cho ông K nên không có giấy tờ gì chứng minh việc trả lãi. Vợ chồng anh H, chị L chỉ đồng ý trả tiền 25.000.000đ trong thời hạn 02 năm sẽ trả đủ.

Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn ông K xin thay đổi một phần nội dung khởi kiện, ông cho rằng trong quá trình mượn tiền, hai bên không thỏa thuận có lãi nhưng chị L có trả ông 4 tháng tiền lãi từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2018 với số tiền mỗi tháng là 1.250.000đ; Nay ông K đồng ý trừ số tiền này vào nợ gốc, chỉ yêu cầu chị L, anh H trả cho ông số tiền 45.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Lê K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn H; cùng địa chỉ: Tổ 2, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả lại tiền đã mượn (vay) là 50.000.000đ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa hôm nay ông K thay đổi một phần nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng anh H, chị L trả số tiền 45.000.000đ; việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện nên chấp nhận xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS.

[3] Bị đơn anh Nguyễn H và vợ là Đỗ Thị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông K yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn H và Đỗ Thị L phải trả cho ông K số tiền còn lại (sau khi trừ đi 5.000.000đ) là 45.000.000đ. Ông K xuất trình chứng cứ gồm: 01 Giấy nợ đề ngày 23/9/2018 với số tiền nợ tổng cộng là 25.000.000đ có chữ ký người nhận tiền Đỗ Thị L và 01 Giấy mượn tiền đề ngày 24/12/2018, với số tiền mượn (vay) là 25.000.000đ, thời hạn mượn là 5 tháng, có chữ ký của người viết giấy mượn đề chồng là Nguyễn H, vợ Đỗ Thị L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông K cho rằng anh Nguyễn H, chị Đỗ Thị L có mượn ông K hai khoản với số tiền tổng cộng 50.000.000đ như chứng cứ đã cung cấp. Anh H, chị L thừa nhận có vay tiền ông K nhưng cho rằng chỉ vay và nợ ông K 25.000.000đ, điều này không được ông K chấp nhận đồng thời anh H, chị L không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh lời khai này là đúng, nên không có cơ sở để chấp nhận.

Về tiền lãi: Chị L, anh H cho rằng đã trả lãi cho ông K với lãi suất 1.250.000đ/1 tháng và đã trả lãi 23 tháng (từ 23/9/2018 đến 23/8/2020), tuy nhiên chị L và anh H không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã trả lãi cho ông K 23 tháng như đã trình bày; ông K thừa nhận chị L và anh H chỉ trả được 4 tháng tiền lãi (từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2018) mỗi tháng 1.250.000đ, sau đó không trả nữa. Tại phiên tòa hôm nay ông K đồng ý trừ số tiền lãi đã trả nêu trên vào tiền gốc và yêu cầu vợ chồng anh H, chị L trả số tiền 45.000.000đ.

Việc ông K đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận nêu trên vào khoản tiền gốc và chỉ yêu cầu trả số tiền 45.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh H, chị L cũng đã thừa nhận chưa trả cho ông K khoản tiền nợ gốc và cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh việc đã trả 23 tháng tiền lãi cho ông K như bản tự khai đã trình bày. Vì vậy: cần buộc chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn H liên đới trả cho ông K số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Ông K không yêu cầu tính lãi từ ngày quá hạn đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh H, chị L đề nghị trả dần số tiền nợ gốc cho ông K trong thời gian 2 năm nhưng ông K không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là $45.000.000đ \times 5\% = 2.250.000đ$ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 274, 275, 280, 288, 463, khoản 4 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê K:

- Buộc chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê K số tiền 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Lê K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010113 ngày 23/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (24/11/2021), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Trúc Nguyễn Văn Minh

Lê Long Sơn